

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC - TÀI CHÍNH QUẢN TRỊ KINH DOANH



ĐỀ CƯƠNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN
(Dành cho bậc Đại học)

HỌC PHẦN: NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ

Số tín chỉ: 3

Bộ môn: Thống kê kinh doanh

Khoa: Quản trị kinh doanh

Hưng Yên, tháng năm 2019

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHTCQTKD ngày/2019 của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh)*

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Nguyên lý thống kê
- Tên tiếng Anh: Principle of statistics
- Mã học phần: 003251
- Số tín chỉ: 03, Số tín chỉ lý thuyết 03, Số tín chỉ thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Xác suất và thống kê toán
- Môn học song hành: Không

2. Đối tượng áp dụng:

- Môn học bắt buộc cho ngành: Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- ngân hàng; Kinh tế; Quản trị Kinh doanh.
- Trình độ: Đại học.
- Hệ đào tạo: Chính quy.

3. Nội dung tóm tắt của học phần:

Nguyên lý thống kê là môn học thuộc kiến thức cơ sở của khối ngành và của ngành trong chương trình đào tạo cử nhân kinh tế. Học phần cung cấp những nguyên lý cơ bản của khoa học thống kê, ứng dụng trong hoạt động kinh tế và quản trị kinh doanh vào việc nghiên cứu mặt lượng trong mối quan hệ mật thiết với mặt chất của các hiện tượng số lớn, gắn liền với điều kiện thời gian và không gian cụ thể. Trên cơ sở đó tập trung vào các nội dung sau: nghiên cứu những vấn đề chung về thống kê học; quá trình nghiên cứu thống kê; Trình bày dữ liệu thống kê; Các mức độ của hiện tượng kinh tế xã hội; Điều tra chọn mẫu; Hồi quy tương quan đơn; Dãy số thời gian và dự đoán và Chỉ số.

Ngoài ra, qua việc tự học, tự nghiên cứu sinh viên có thể nắm được thêm một số nội dung như: Ước lượng trung bình và tỷ lệ; Kiểm định giả thuyết thống kê và Hồi quy tương quan bội. Từ đó sinh viên có thể ứng dụng vào quá trình nghiên cứu bất kỳ hiện tượng kinh tế xã hội nào.

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức

+ Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết thống kê. Giúp sinh viên có khả năng thu thập phân tích các con số thống kê, hiểu được mối quan hệ giữa lượng và chất của các hiện tượng kinh tế – xã hội.

+ Nắm được kiến thức cơ bản về thống kê để điều tra, phân tích, báo cáo, thảo luận và bình luận, dự báo về những hiện tượng phức tạp trong đời sống kinh tế – xã hội trong những điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể.

4.2. Kỹ năng

+ Rèn luyện, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp thông qua thực hành và giải quyết các tình huống thực tế.

+ Có tư duy nghề nghiệp đúng đắn, có khả năng ứng dụng thống kê trong thực tế và các nghiên cứu kinh tế khác.

+ Có kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề.

+ Có kỹ năng tìm kiếm và lựa chọn kiến thức để dùng vào những mục đích riêng biệt, có kỹ năng tự phát triển.

4.3. Thái độ

Giúp sinh viên có thái độ yêu thích môn học, kính trọng và noi gương giảng viên dạy môn học, có sự tự tin và hiểu biết về thống kê làm hành trang cho công việc sau khi ra trường.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

STT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	CDR của CTĐT
<i>Về kiến thức</i>			
1	CDR1	Nắm được các chỉ tiêu cơ bản của thống kê và cách tính các chỉ tiêu mức độ khối lượng tuyệt đối, mức độ tương đối, các loại chỉ số, các cách dự báo	QTKD: 4 KET: 4 KIET: 4 KDQT: 4 KITE: 4 TC-NH: 4 HTTTQL: 4

2	CĐR2	Áp dụng để tính toán các chỉ tiêu nêu trong mức 1 trong từng trường hợp cụ thể.	QTKD: 4 KET: 4 KIET: 4 KDQT: 4 KITE: 4 TC-NH: 4 HTTTQL: 4
3	CĐR3	Cách phân tích và dự báo các số liệu thống kê.	QTKD: 4 KET: 4 KIET: 4 KDQT: 4 KITE: 4 TC-NH: 4 HTTTQL: 4
4	CĐR4	Có khả năng tổng hợp, xem xét, phân tích, đánh giá và xử lý những vấn đề nảy sinh trong các hoạt động kinh tế, xã hội, kinh doanh.	QTKD: 4 KET: 4 KIET: 4 KDQT: 4 KITE: 4 TC-NH: 4 HTTTQL: 4
Về kỹ năng			
5	CĐR5	Hiểu được tầm quan trọng của việc tính chính xác các số liệu thống kê trong các hoạt động kinh tế, xã hội, kinh doanh.	QTKD: 9, 12, 13, 14, 15 KET: 14, 16, 17, 18, 19 KIET: 13, 16, 17, 18. KDQT: 10, 15, 16, 17 KITE: 9, 10, 13, 14, 15 TC-NH: 10, 11, 12, 15, 16, 17 HTTTQL: 9, 16, 17, 18.
6	CĐR6	Có khả năng ứng dụng các phương pháp phân tích thống kê vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong các lĩnh vực.	QTKD: 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 KET: 13, 14, 15, 17, 18, 19, KIET: 13, 15, 16, 17, 18 KDQT: 10, 11, 12, 15, 16, 17 KITE: 9, 10,

			11, 12, 13, 14, 15 TC-NH: 10, 11, 12, 14 HTTTQL: 9, 16, 17, 18
7	CDR 7	Biết cách lên phương án và triển khai điều tra thống kê theo yêu cầu..	QTKD: 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 KET: 13, 16, 17, 18, 19 KIET: 13, 15, 16, 17, 18 KDQT: 11, 12, 15, 16, 17 KITE: 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 TC-NH: 10, 12, 14, 15, 16, 17 HTTTQL: 12, 16, 17, 18
8	CDR 8	Thông qua môn học này, sinh viên cũng được phát triển các kỹ năng làm việc nhóm (hình thành nhóm làm việc hiệu quả, vận hành nhóm, phát triển nhóm, lãnh đạo nhóm, làm việc trong các nhóm khác nhau), kỹ năng giao tiếp (giao tiếp bằng văn bản, giao tiếp qua thư điện tử/các phương tiện truyền thông, thuyết trình, giao tiếp giữa các cá nhân), kỹ năng viết báo cáo	QTKD: 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 KET: 13, 14, 15, 17, 18, 19, KIET: 13, 15, 16, 17, 18 KDQT: 10, 11, 12, 15, 16, 17 KITE: 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 TC-NH: 10, 11, 12, 14 HTTTQL: 9, 16, 17, 18
Năng lực tự chủ và trách nhiệm (thái độ)			
9	CDR9	Năng lực tự chủ và trách nhiệm (nếu có)	QTKD: 18 KET: 22 KIET: 21 KDQT: 20 KITE: 18 TC-NH: 20 HTTTQL: 21

10	CĐR10	Có khả năng đọc hiểu các số liệu thống kê.	QTKD: 19 KET: 23 KIET: 22 KDQT: 21 KITE: 19 TC-NH: 21 HTTTQL: 22
11	CĐR11	Có khả năng vận dụng các kiến thức về thống kê vào triển khai điều tra thống kê, phân tích số liệu.	QTKD: 19, 20 KET: 23, 24 KIET: 22, 23 KDQT: 21, 22 KITE: 19, 20 TC-NH: 21, 22 HTTTQL: 22, 23
12	CĐR 12	Vận dụng thành thạo các kỹ thuật, công cụ để chẩn đoán	QTKD: 19 KET: 23 KIET: 22 KDQT: 21 KITE: 19 TC-NH: 21 HTTTQL: 22

6. Phương pháp và phương tiện giảng dạy:

6.1. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình, phát vấn, đối thoại, thảo luận nhóm.

6.2. Phương tiện giảng dạy:

Máy chiếu, máy tính, phấn, bảng, internet. . .

7. Thang điểm đánh giá:

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Quản lý đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

8. Phương pháp và nội dung đánh giá

(Theo Quy chế đào tạo hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 212/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 14/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh).

Loại hình		Nội dung đánh giá	Mô tả cách thực hiện	CĐR	Trọng số
Điểm chuyên cần		Nhận thức, thái độ tham gia lớp học	- Sinh viên đi học đầy đủ: Từ 9 đến 10 điểm - Sinh viên vắng từ 20% trở xuống: Từ 5 đến 8 điểm	CĐR 1, CĐR 2, CĐR 3	10%

			- Sinh viên vắng trên 20%: không được thi, không chấm điểm Giảng viên kết hợp với thái độ học tập của sinh viên để cho theo khung ở trên		
Đánh giá quá trình	(1)	Lấy điểm kiểm tra thường xuyên	Bài kiểm tra thường xuyên trên lớp, thời gian 50 phút, 10 câu hỏi trắc nghiệm , 1 câu tự luận	CĐR 1,2,3,	20%
	(2)	Lấy điểm kiểm tra thường xuyên	Bài kiểm tra thường xuyên trên lớp, thời gian 50 phút, 10 câu hỏi trắc nghiệm , 1 câu tự luận	CĐR1, 2,3	
	(3)	Lấy điểm kiểm tra giữa kỳ	Bài kiểm tra thường xuyên trên lớp, thời gian 50 phút, 10 câu hỏi trắc nghiệm và 1 bài tập tự luận	CĐR1, 2,3	
Điểm thi cuối kỳ		Lấy điểm thi kết thúc học phần	Bài thi do nhà trường tổ chức, thời gian 60 phút, 50 câu trắc nghiệm	CĐR1, 2,3	70%
				Tổng:	100%

9. Tài liệu học tập và tham khảo:

9.1. Tài liệu học tập bắt buộc: Đề cương bài giảng Nguyên lý thống kê - Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh

9.2. Tài liệu tham khảo: Giáo trình Lý thuyết thống kê Trường Đại học Kinh tế quốc dân, NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2013.

10. Thông tin giảng viên giảng dạy:

10.1. Giảng viên 1:

- Họ tên: Kim Thị Hạnh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Số điện thoại: 0978.529.160 Email: kimthihanh1975@yahoo.com.vn

10.2. Giảng viên 2:

- Họ tên: Đoàn Thị Huệ
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Số điện thoại: 0978.818.576 Email: doanhuedhtm@gmail.com

10.3. Giảng viên 3:

- Họ tên: Nguyễn Thị Ngọc Anh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Số điện thoại: 0987.595.487 Email: msnguyen112@gmail.com

10.4. Giảng viên 4:

- Họ tên: Lê Nguyên Tùng

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Số điện thoại: 0989.350.898 Email: nguyentungtiens@gmail.com

11. Nội dung và phân bổ thời gian:

Nội dung	Phân bổ thời gian				Tổng cộng
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập, thảo luận	Tự học, tự nghiên cứu	
Chương 1: Những vấn đề chung về thống kê học	2		1	6	9
Chương 2: Quá trình nghiên cứu thống kê	2		1	6	9
Chương 3: Trình bày dữ liệu thống kê	2		1	6	9
Chương 4: Các mức độ của hiện tượng kinh tế xã hội	5	1	4	20	30
Chương 5: Điều tra chọn mẫu	4		2	12	18
Chương 6: Phân tích hồi quy - tương quan	4	1	2	14	21
Chương 7: Dãy số thời gian và dự đoán thống kê	4	1	2	14	21
Chương 8: Chỉ số	3		3	12	18
Tổng cộng	26	3	16	90	135

12. Lịch trình tổ chức dạy học cụ thể:

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THỐNG KÊ HỌC

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết	Nội dung chính	Tài liệu học tập, tham khảo	Chuẩn đầu ra (HP)
Lý thuyết/ Thực hành	3	<p>1.1. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA THỐNG KÊ HỌC</p> <p>1.2. KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU VÀ NHIỆM VỤ CỦA THỐNG KÊ HỌC</p> <p><i>1.2.1. Khái niệm về thống kê học</i></p> <p><i>1.2.2. Đối tượng nghiên cứu của thống kê học</i></p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <p>từ trang 9 đến trang 23 .</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>Từ trang 8 đến trang 27 .</p>	CĐR1, CĐR5, CĐR 9

		<p>kê học</p> <p>1.2.3. Nhiệm vụ của thống kê</p> <p>1.3. MỘT SỐ KHÁI NIỆM THƯỜNG DÙNG TRONG THỐNG KÊ</p> <p>1.3.1. Tổng thể thống kê</p> <p>1.3.2. Tiêu thức thống kê</p> <p>1.3.3. Chỉ tiêu thống kê</p> <p>1.3.4. Hệ thống chỉ tiêu thống kê</p> <p>1.3.5. Thang đo trong thống kê</p>		
Tự học, tự nghiên cứu	0	<p>1.4. DỮ LIỆU THỐNG KÊ</p> <p>1.4.1. Khái niệm dữ liệu thống kê</p> <p>1.4.2. Các loại dữ liệu thống kê</p> <p>1.4.3. Các nguồn dữ liệu thống kê</p>	Tài liệu bắt buộc: từ trang 23 đến trang 24 .	CĐR1, CĐR5, CĐR 9

CHƯƠNG 2: QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU THỐNG KÊ

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết	Nội dung chính	Tài liệu học tập, tham khảo	Chuẩn đầu ra (HP)
Lý thuyết/ Thực hành	3	<p>2.1. ĐIỀU TRA THỐNG KÊ</p> <p>2.1.1. Khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ điều tra thống kê</p> <p>2.1.2. Các loại điều tra thống kê</p> <p>2.1.3. Các phương pháp thu thập tài liệu điều tra thống kê</p> <p>2.1.4. Các hình thức tổ chức điều tra thống kê</p> <p>2.1.5. Sai số trong điều tra thống kê</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: từ trang 26 đến trang 43 .</p> <p>Tài liệu tham khảo: Từ trang 29 đến trang 57</p>	CĐR1, CĐR5, CĐR 11

Tự học, tự nghiên cứu	0	<p>2.2. TỔNG HỢP THỐNG KÊ</p> <p>2.2.1. <i>Khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ của tổng hợp thống kê</i></p> <p>2.2.2. <i>Mục đích của tổng hợp thống kê</i></p> <p>2.2.3. <i>Nội dung tổng hợp thống kê</i></p> <p>2.2.4. <i>Hình thức tổ chức và kỹ thuật tổng hợp thống kê</i></p> <p>2.3. PHÂN TÍCH VÀ DỰ ĐOÁN THỐNG KÊ</p> <p>2.3.1. <i>Phân tích thống kê</i></p> <p>2.3.2. <i>Dự đoán thống kê</i></p>	Tài liệu bắt buộc: từ trang 35 đến trang 45 .	CĐR1, CĐR2, CĐR10 CĐR12
--------------------------------	---	--	---	----------------------------------

CHƯƠNG 3: TRÌNH BÀY DỮ LIỆU THỐNG KÊ

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết	Nội dung chính	Tài liệu học tập, tham khảo	Chuẩn đầu ra (HP)
Lý thuyết/ Thực hành	3	<p>3.1. PHÂN TỔ THỐNG KÊ</p> <p>3.1.1. <i>Khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ của phân tổ thống kê</i></p> <p>3.1.2. <i>Phân loại phân tổ thống kê</i></p> <p>3.1.3. <i>Quá trình phân tổ thống kê</i></p> <p>3.2. DÃY SỐ PHÂN PHỐI</p> <p>3.2.1. <i>Khái niệm và tác dụng của dãy số phân phối</i></p> <p>3.2.2. <i>Phân loại dãy số phân phối</i></p> <p>3.3. BẢNG THỐNG KÊ</p> <p>3.2.1. <i>Khái niệm và tác dụng của bảng thống kê</i></p> <p>3.2.2. <i>Cấu thành bảng thống kê</i></p> <p>3.2.4. <i>Yêu cầu chung của việc xây dựng</i></p>	<p>Tài liệu bắt buộc: từ trang 49 đến trang 72 .</p> <p>Tài liệu tham khảo: Từ trang 59 đến trang 73</p>	<p>CĐR1, CĐR3, CĐR 6 CĐR 8</p> <p>CĐR2, CĐR3, CĐR 4 CĐR 8</p>

		<i>bảng thống kê</i>		
Tự học, tự nghiên cứu	0	3.3. ĐỒ THỊ THỐNG KÊ 3.3.1. <i>Khái niệm và tác dụng của đồ thị thống kê</i> 3.3.2. <i>Các loại đồ thị thống kê</i> 3.3.3. <i>Yêu cầu chung của việc xây dựng đồ thị thống kê</i> 3.4. SỬ DỤNG PHẦN MỀM EXCEL 3.2.3. <i>Các loại bảng thống kê</i>	Tài liệu bắt buộc: từ trang 74 đến trang 79 .	CĐR1, CĐR2,

CHƯƠNG 4: CÁC MỨC ĐỘ CỦA HIỆN TƯỢNG KINH TẾ XÃ HỘI

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết	Nội dung chính	Tài liệu học tập, tham khảo	Chuẩn đầu ra (HP)
Lý thuyết/ Thực hành	10	4.1. SỐ TUYỆT ĐỐI TRONG THỐNG KÊ 4.1.1. <i>Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của số tuyệt đối</i> 4.1.2. <i>Các loại số tuyệt đối trong thống kê</i> 4.2. SỐ TƯƠNG ĐỐI TRONG THỐNG KÊ 4.2.1. <i>Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của số tương đối</i> 4.2.2. <i>Các loại số tương đối trong thống kê</i> 4.2.3. <i>Điều kiện vận dụng chung số tuyệt đối và số tương đối trong thống kê</i> 4.3. SỐ ĐO ĐỘ TẬP TRUNG 4.3.1. <i>Số trung bình (số bình quân)</i>	Tài liệu bắt buộc: từ trang 82 đến trang 119 . Tài liệu tham khảo: Từ trang 108 đến trang 144	CĐR2, CĐR3, CĐR 4 CĐR 8

		<p>4.3.2. <i>Số trung vị</i></p> <p>4.3.3. <i>Mốt</i></p> <p>4.4. SỐ ĐO ĐỘ PHÂN TÁN CỦA TIÊU THỨC NGHIÊN CỨU</p> <p>4.4.1. <i>Ý nghĩa của độ phân tán (độ biến thiên) tiêu thức</i></p> <p>4.4.2. <i>Các chỉ tiêu đo độ phân tán của tiêu thức</i></p>		
Tự học, tự nghiên cứu	0			

CHƯƠNG 5: ĐIỀU TRA CHỌN MẪU

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết	Nội dung chính	Tài liệu học tập, tham khảo	Chuẩn đầu ra (HP)
Lý thuyết/ Thực hành	6	<p>5.1. KHÁI NIỆM VỀ ĐIỀU TRA CHỌN MẪU</p> <p>5.1.1. <i>Khái niệm điều tra chọn mẫu</i></p> <p>5.1.2. <i>Ý nghĩa, ưu điểm và hạn chế của điều tra chọn mẫu</i></p> <p>5.1.3. <i>Những vấn đề chung về điều tra chọn mẫu</i></p> <p>5.2. CÁC BƯỚC ĐIỀU TRA CHỌN MẪU</p> <p>5.2.1. <i>Xác định mục đích và nội dung điều tra</i></p> <p>5.2.2. <i>Xác định đối tượng và đơn vị điều tra</i></p> <p>5.2.3. <i>Xác định kích thước mẫu</i></p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i> từ trang 128 đến trang 139 .</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i> Từ trang 151 đến trang 186</p>	CĐR2, CĐR3, CĐR 4 CĐR 8

		<p>5.2.4. <i>Xác định phương pháp thu thập thông tin</i></p> <p>5.2.5. <i>Tiến hành điều tra thu thập số liệu và xử lý số liệu</i></p> <p>5.2.6. <i>Suy rộng kết quả điều tra chọn mẫu và báo cáo kết quả điều tra</i></p> <p>5.3. MỘT SỐ BÀI TOÁN CƠ BẢN TRONG ĐIỀU TRA CHỌN MẪU</p> <p>5.3.1. <i>Xác định phạm vi sai số chọn mẫu</i></p> <p>5.3.2. <i>Xác định phương sai tổng thể chung</i></p> <p>5.3.3. <i>Xác định kích thước mẫu điều tra</i></p>		
Tự học, tự nghiên cứu	0	<p>5.4. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP CHỌN MẪU THƯỜNG DÙNG</p> <p>5.4.1. <i>Chọn mẫu ngẫu nhiên</i></p> <p>5.4.2. <i>Chọn mẫu phi ngẫu nhiên</i></p>	Tài liệu bắt buộc: từ trang 143 đến trang 145 .	CĐR1, CĐR2,

CHƯƠNG 6: PHÂN TÍCH HỒI QUY VÀ TƯƠNG QUAN

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết	Nội dung chính	Tài liệu học tập, tham khảo	Chuẩn đầu ra (HP)
Lý thuyết/ Thực hành	7	<p>6.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHƯƠNG PHÁP HỒI QUY- TƯƠNG QUAN</p> <p>6.1.1. <i>Khái niệm hồi quy- tương quan</i></p> <p>6.1.2. <i>Mối liên hệ giữa các hiện tượng kinh tế - xã hội</i></p> <p>6.1.3. <i>Một số dạng liên hệ</i></p> <p>6.1.4. <i>Nhiệm vụ của phân tích hồi quy- tương quan</i></p>	<p>Tài liệu bắt buộc: từ trang 151 đến trang 162 .</p> <p>Tài liệu tham khảo: Từ trang 195 đến trang 227</p>	CĐR2, CĐR3, CĐR 4, CĐR 8

		<p>6.2. MÔ HÌNH HỒI QUY VÀ TƯƠNG QUAN GIỮA HAI TIÊU THỨC SỐ LƯỢNG</p> <p><i>6.2.1. Mô hình hồi quy tuyến tính giữa hai tiêu thức số lượng</i></p> <p><i>6.2.2. Mô hình hồi quy phi tuyến tính giữa hai tiêu thức số lượng</i></p>		
Tự học, tự nghiên cứu	0			

CHƯƠNG 7: DÃY SỐ THỜI GIAN VÀ DỰ ĐOÁN THỐNG KÊ

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết	Nội dung chính	Tài liệu học tập, tham khảo	Chuẩn đầu ra (HP)
Lý thuyết/ Thực hành	7	<p>7.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DÃY SỐ THỜI GIAN</p> <p><i>7.1.1. Khái niệm và ý nghĩa của dãy số thời gian</i></p> <p><i>7.1.2. Các loại dãy số thời gian</i></p> <p><i>7.1.3. Yêu cầu khi xây dựng dãy số thời gian</i></p> <p>7.2. CÁC CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM BIẾN ĐỘNG CỦA HIỆN TƯỢNG QUA THỜI GIAN</p> <p><i>7.2.1. Mức độ bình quân theo thời gian</i></p> <p><i>7.2.2. Lượng tăng (hoặc giảm) tuyệt đối</i></p> <p><i>7.2.3. Tốc độ phát triển</i></p> <p><i>7.2.4. Tốc độ tăng (hoặc giảm)</i></p> <p><i>7.2.5. Giá trị tuyệt đối 1% tăng (hoặc</i></p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i> từ trang 169 đến trang 200 .</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i> Từ trang 245 đến trang 373</p>	CĐR2, CĐR3, CĐR 4 CĐR 8

		<p><i>giảm), ký hiệu (gi)</i></p> <p>7.3. CÁC PHƯƠNG PHÁP BIỂU HIỆN XU HƯỚNG BIẾN ĐỘNG CƠ BẢN CỦA HIỆN TƯỢNG</p> <p><i>7.3.1. Phương pháp mở rộng khoảng cách thời gian</i></p> <p><i>7.3.2. Phương pháp dãy số bình quân trượt</i></p> <p><i>7.3.3. Phương pháp hồi quy theo thời gian</i></p> <p>7.4. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DỰ ĐOÁN THỐNG KÊ NGẮN HẠN</p> <p><i>7.4.1. Khái niệm dự đoán thống kê ngắn hạn</i></p> <p><i>7.4.2. Một số phương pháp dự đoán thống kê ngắn hạn</i></p>		
Tự học, tự nghiên cứu	0	7.3.4. Phương pháp biểu hiện biến động thời vụ	<i>Tài liệu bắt buộc:</i> trang 193	CĐR1, CĐR2,

CHƯƠNG 8: CHỈ SỐ

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết	Nội dung chính	Tài liệu học tập, tham khảo	Chuẩn đầu ra (HP)
Lý thuyết/ Thực hành	6	<p>8.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHỈ SỐ</p> <p><i>8.1.1. Khái niệm, phân loại và</i></p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i> từ trang 206 đến trang 226.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p>	CĐR2, CĐR3, CĐR 4 CĐR 8

		<p><i>tác dụng của chỉ số</i></p> <p><i>8.1.2. Đặc điểm của phương pháp chỉ số</i></p> <p><i>8.1.3. Quyền số của chỉ số</i></p> <p>8.2. PHƯƠNG PHÁP TÍNH CHỈ SỐ</p> <p><i>8.2.1. Chỉ số phát triển</i></p> <p><i>8.2.2. Chỉ số không gian</i></p> <p>8.3. HỆ THỐNG CHỈ SỐ</p> <p><i>8.3.1. Khái niệm và tác dụng của hệ thống chỉ số</i></p> <p><i>8.3.2. Phân loại hệ thống chỉ số</i></p>	Từ trang 276 đến trang 299	
Tự học, tự nghiên cứu	0			

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN